

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí Điện lực về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2020;

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC (PEC)
- Địa chỉ: 150 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84)(24)38271498 - Fax: (84)(24)38271731

Trân trọng thông báo tới cổ đông thông tin về tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020 như sau:

1. **Thời gian:** 1/2 ngày – bắt đầu từ 08 giờ 00' ngày 29/6/2020 (Thứ Hai)
2. **Địa điểm:** Hội trường tầng 4 Nhà điều hành Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực – số 150 Hà Huy Tập; Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.
3. **Nội dung thông qua tại ĐHCĐ:**
 - 3.1 Thông qua các báo cáo thường niên: Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Phương án SXKD năm 2020; Báo cáo tài chính năm 2019 (đã được kiểm toán); Báo cáo của HĐQT đánh giá tình hình hoạt động năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019.
 - 3.2 Thông qua các nội dung do HĐQT trình ĐHCĐ: Chi trả cổ tức năm 2019; Thù lao của HĐQT, BKS năm 2020; Giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
4. **Thời gian đăng ký tham dự ĐHCĐ:** cổ đông đăng ký tham dự ĐHCĐ theo mẫu (Phụ lục 01) và gửi về Công ty trước ngày 26/6/2020 theo địa chỉ: Công ty CP Cơ khí Điện lực, số 150 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; hoặc gửi qua Fax: 024 38271731.
5. **Thành phần tham dự:** các cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ đông không có điều kiện tham dự có thể cử người khác đại diện tham dự ĐHCĐ thông qua việc ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm).

Ghi chú: Tài liệu ĐHCĐ thường niên 2020 được đăng tải trên website: www.pecvn.com tại thư mục: Thông tin cổ đông/Tài liệu ĐHCĐ thường niên 2020.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Các cơ quan hữu quan;
- Công bố thông tin;
- Lưu VT, TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Hải

Số: 31/BC-PEC

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

**Về đánh giá tình hình hoạt động năm 2019 và nhiệm vụ 2020
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực**

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro khó lường. Nguyên nhân là do tình hình kinh tế thế giới có nhiều khó khăn, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm trước do hoạt động SXKD giảm mạnh. Ở trong nước, nền kinh tế nước ta cũng diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu phát triển của đất nước;

Công tác sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do giá thép, kẽm kim loại biến động liên tục; thiếu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trực tiếp sản xuất tiếp tục diễn ra, công tác tuyển dụng chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ cho sản xuất; một số máy, thiết bị đã cũ, lạc hậu gây khó khăn trong việc bảo đảm chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động; Các yếu tố trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Trước những khó khăn, thách thức đó, Hội đồng quản trị đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để tập trung chỉ đạo, điều hành bộ máy quản lý của Công ty thực hiện các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin báo cáo kết quả hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị năm 2019 và chương trình hành động năm 2020 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị:

1.1. Hội đồng quản trị đã phân công các thành viên tổ chức triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 như sau:

- Ông **Lê Minh Hải** - Chủ tịch HĐQT: Phụ trách công tác chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển SXKD; công tác đầu tư phát triển; công tác tổ chức của Công ty;
- Ông **Nguyễn Đức Bách** - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: Phụ trách công tác kinh doanh, đối ngoại của Công ty; Điều hành hoạt động SXKD của Công ty;
- Ông **Lê Đăng Thuận** - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc: Phụ trách công tác kỹ thuật của Công ty và công tác sản xuất tại xí nghiệp Mạ kẽm.
- Bà **Phạm Thu Hằng** - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc: Phụ trách công tác tài chính, đầu tư tài chính của Công ty.
- Ông **Nguyễn Doãn Bình** - Thành viên HĐQT: Giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc đơn vị thành viên.

1.2. Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật;

1.3. Hội đồng quản trị đã phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

1.4. Về công tác tổ chức và nhân sự chủ chốt của Công ty:

- Ngày 07/01/2019 Hội đồng quản trị ban hành quyết định giao nhiệm vụ kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc XN Mạ đối với ông Lê Đăng Thuận - Phó Tổng giám đốc và điều động, giao nhiệm vụ Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Chất lượng đối với ông Hoàng Sơn Thọ - Giám đốc XN Mạ.

- Ngày 11/3/2019 Hội đồng quản trị ban hành quyết định thôi kiêm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Phạm Thu Hằng và giao nhiệm vụ Phụ trách Kế toán đối với bà Ngô Thị Huệ.

- Ngày 11/3/2019 Hội đồng quản trị quyết định thôi cử ông Lê Minh Hải là Người đại diện phần vốn của PEC tại Công ty CP Thương mại và XL điện lực (PECA); và cử ông Nguyễn Đức Bách là Người đại diện phần vốn của PEC tại PECA.

- Ngày 18/3/2019 Hội đồng quản trị quyết định thôi cử ông Lê Minh Hải giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (VJPS); và cử ông Lê Đăng Thuận là Chủ tịch Hội đồng thành viên VJPS.

- Ngày 01/12/2019 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết sáp nhập 02 xí nghiệp là Xí nghiệp Mạ, Xí nghiệp KCT thành Xí nghiệp Kết cấu thép mạ. Giao nhiệm vụ ông Lê Đăng Thuận - Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc XN.

2. Các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị:

Kể từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp lấy ý kiến biểu quyết các thành viên Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 13 nghị quyết và quyết định liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đơn vị thành viên;

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã chi trả thù lao bằng 70% so với mức đã được ĐHCĐ thông qua, cụ thể: thành viên Hội đồng quản trị là 2,1 triệu đồng/người/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 1,4 triệu đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 Công ty đã chi trả là 159,6 triệu đồng.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý:

4.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu đạt: 170.826 triệu đồng, đạt 73% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 1.376 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân của người lao động: 7,3 triệu đồng/người/tháng
- Dự kiến trả cổ tức năm 2019 là 3%.

Một số nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD):

+ Đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật trong giai đoạn các năm ban đầu hoạt động SXKD của Công ty vẫn lỗ và theo kế hoạch từ năm 2020 bắt đầu có lãi.

+ Trong năm sản lượng hàng mạ kẽm dịch vụ không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, lượng hàng mạ không đáp ứng đủ công suất của dây chuyền, lao động trực tiếp thiếu hụt nhiều ca phải ngừng lò dẫn đến tăng chi phí nhân công, nhiên liệu và tiêu hao kẽm.

+ Đối với các sản phẩm KCT Thủy điện Công ty sản xuất ra nhưng Chủ đầu tư chưa nhận hàng, dẫn đến công tác giao hàng và thanh toán bị chậm đã ảnh hưởng rất lớn tới nguồn tài chính phục vụ SXKD.

4.2. Về công tác tài chính:

Trong năm 2019 nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hạn hẹp, hạn mức tín dụng đối với Công ty bị thu hẹp lại trong khi phần lớn nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đều phải vay ngân hàng. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng trong Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ các công trình đã hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư, kịp thời hoàn thiện hồ sơ thanh toán các hợp đồng để đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động SXKD, trả nợ Ngân hàng và thanh toán tiền lương cho người lao động.

4.3. Về công tác đầu tư:

a) *Công tác đầu tư xây dựng:* Trong năm Công ty không triển khai dự án đầu tư xây dựng nào, chỉ thực hiện công tác sửa chữa mái nhà xưởng, đầu tư và sửa chữa máy móc thiết bị trong các dây chuyền sản xuất.

b) *Góp vốn vào doanh nghiệp khác:*

- Phần vốn góp của PEC tại Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng nguồn điện (PPEC) là 7.200 triệu đồng tương ứng 36% vốn Điều lệ
- Phần vốn góp của PEC tại Công ty cổ phần Thương mại và Xây lắp điện lực (PECA) là 1.250 triệu đồng tương ứng 14 % vốn Điều lệ
- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật là 30.899,52 triệu đồng tương ứng 36% vốn Điều lệ

4.4. Một số vấn đề khác:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua việc trả cổ tức năm 2018 là 6%. Công ty đã triển khai thủ tục chi trả cổ tức theo quy định, nhưng chưa đủ các điều kiện do Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2018 có các yếu tố loại trừ.
- Việc cơ cấu lại tài sản: Tháng 8/2019 Hội đồng quản trị đã nghị quyết thông qua phương án cơ cấu Nhà máy Kết cấu thép-Mạ Hải Dương. Cụ thể như sau: Về nhân sự: điều động và bố trí công việc hợp lý cho toàn bộ lao động của Nhà máy tại các đơn vị trong Công ty; Về tài sản: chuyển các máy công cụ sản xuất cơ khí và dây chuyền sản xuất tấm sàn về lắp đặt tại các đơn vị trong Công ty; chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, sử dụng vốn thu được trả nợ Ngân hàng và phục vụ hoạt động SXKD.
- Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và công tác quân sự, an ninh trên địa bàn huyện Gia Lâm.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020

A. NHIỆM VỤ: Hội đồng quản trị đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội và chỉ đạo thực hiện các nội dung nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu đạt: 221,366 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 2% tổng doanh thu
- Thu nhập bình quân của người lao động: 7,5 triệu đồng/tháng
- Dự kiến trả cổ tức: 5%.

2. Công tác tài chính:

- Cân đối nguồn tài chính đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn;
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với nhà nước, các khoản thuế và BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động;
- Thanh toán kịp thời tiền lương cho người lao động ;
- Tập trung công tác thu hồi công nợ.

3. Công tác đầu tư:

- Đầu tư các thiết bị, máy hiện đại trang bị cho các xí nghiệp để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh các sản phẩm trên thị trường (dự kiến mua thêm máy đột thanh thép góc).
- Sửa chữa nhà xưởng và các công trình hạ tầng trong khuôn viên Công ty.

4. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Dự kiến năm 2020, Công ty duy trì mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị là 3,0 triệu đồng/người/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 1,5 triệu đồng/người/tháng.
- Cuối năm căn cứ vào kết quả đạt được các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh các thành viên HĐQT và BKS sẽ được nhận thù lao theo tỷ lệ phù hợp.

5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán có đủ năng lực, kinh nghiệm và được Bộ Tài chính chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

6. Một số vấn đề khác:

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tái cơ cấu Công ty, tổ chức lại các phòng, xí nghiệp; sắp xếp cán bộ phù hợp và xem xét phần vốn góp tại các công ty khác nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.
- Hội đồng quản trị duy trì tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổ chức các cuộc họp bất thường để kịp thời xử lý các công việc phát sinh. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức họp với Ban Tổng giám đốc triển khai công việc và giám sát kết quả hoạt động, đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của Hội đồng quản trị.

B. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Căn cứ vào nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua, Hội đồng quản trị sẽ phân công trách nhiệm cho từng thành viên trong Hội đồng quản trị. Theo đó, các thành viên có trách nhiệm triển khai công việc và giám sát kết quả thực hiện thông qua Tổng Giám đốc và trong từng thời điểm cụ thể phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty có thể nhanh chóng điều chỉnh cho phù hợp, với mục đích đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững;
2. Lập kế hoạch về đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý đáp ứng công tác quản lý điều hành của Công ty trong từng giai đoạn;
- 3, Tổ chức lại các phòng và xí nghiệp; sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực và trình độ của cán bộ - nhân viên nhằm tăng cường tính hiệu quả trong công tác quản lý; Thuê đơn vị Tư vấn thực hiện tái cơ cấu Công ty
4. Đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các công trình nhằm thu nguồn tiền phục vụ cho sản xuất kinh doanh và giảm nợ vay ngân hàng.

4. Đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các công trình nhằm thu nguồn tiền phục vụ cho sản xuất kinh doanh và giảm nợ vay ngân hàng.
5. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế nhằm phục vụ công tác điều hành quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy tinh thần đoàn kết nhất trí, lao động tích cực của cán bộ quản lý và người lao động trong Công ty;
6. Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành cần có những biện pháp tích cực tìm kiếm việc làm, liên doanh, liên kết với các đơn vị bạn để tham gia thầu các gói thầu trong nước và quốc tế, tạo việc làm cho người lao động; tận dụng những năng lực hiện có của Công ty, tổ chức hợp lý hóa sản xuất, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, giảm sút tiêu hao nhiên liệu, giảm vật tư tồn kho..., bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả; chăm lo sức khỏe, vật chất và tinh thần cho người lao động.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:
 - Tổng doanh thu đạt: 221.366 triệu đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế: 2% tổng doanh thu
 - Thu nhập bình quân của người lao động: 7,5 triệu đồng/tháng
 - Dự kiến trả cổ tức: 5%.
2. Mức chi trả thù lao năm 2020: thành viên Hội đồng quản trị là 3,0 triệu đồng/người/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 1,5 triệu đồng/người/tháng;
3. Giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá tình hình hoạt động năm 2019, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020; và những vấn đề trình Đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã tích cực hỗ trợ và hợp tác đóng góp cho sự ổn định và phát triển của Công ty trong thời gian qua. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự hỗ trợ, chia sẻ của Quý cổ đông cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, chúng tôi cam kết luôn giữ vững vai trò chỉ đạo và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành về việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Kính chúc Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2020;
- Cổ đông PEC;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Hải

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 Phương án sản xuất kinh doanh năm 2020

PHẦN 1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SX -KD NĂM 2019

I. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi:

- Ngành nghề truyền thống của Công ty là chế tạo cột thép mạ kẽm, chế tạo kết cấu thép thủy công và mạ kẽm nhúng nóng dịch vụ cho các đơn vị khách hàng. Sản phẩm của Công ty có chất lượng và uy tín nhiều khách hàng tin tưởng khi đặt hàng.
- Đội ngũ công nhân lành nghề, gắn bó lâu năm với Công ty và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
- Công ty nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của các đơn vị, đã ký được một số hợp đồng quan trọng từ đó đã phần nào ổn định được việc làm, từng bước vượt qua khó khăn để duy trì sản xuất kinh doanh như hợp đồng chế tạo cột thép bắc nam, KCT thủy công Sông Lô 8A, 8B, Nà Sản...

2. Khó khăn:

- Công ty thiếu hụt lao động trực tiếp do ảnh hưởng khó khăn về tài chính, một số doanh nghiệp mới mở cũng có nhiều chính sách thu hút lao động dẫn đến một số công nhân lành nghề dịch chuyển sang đơn vị khác trong khu vực.
- Nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty rất hạn hẹp, trong khi đó lãi vay ngân hàng cao, hạn mức bị thu hẹp ảnh hưởng rất lớn đến quá trình cung cấp vật tư phục vụ sản xuất.
- Một số lò mạ kẽm nhúng nóng mới mở dẫn đến Công ty thiếu hụt nguồn hàng mạ, thiếu người làm, cụ thể như lao động tại xí nghiệp Mạ và Xí nghiệp KCT giảm mạnh. Xí nghiệp mạ đang làm từ 3 ca xuống còn 02 ca hoặc thậm chí 01 ca.

- Máy móc thiết bị lạc hậu, hay xảy ra hỏng hóc do quá trình làm nhiều mà không được bảo dưỡng kịp thời. Không trang bị thêm máy móc để phục vụ sản xuất. Cụ thể máy CNC của Ý hỏng không thể khắc phục.
- Mức lương của người lao động Công ty còn khá thấp so với nhu cầu tiêu dùng tối thiểu trên thị trường hiện nay cũng gây ảnh hưởng đến tâm lý làm việc của người lao động.

II. Kết quả thực hiện

Trong năm 2019, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện và đạt được kết quả như sau:

STT	Nội dung chỉ tiêu, sản phẩm	ĐVT	Giá trị
1	Tổng doanh thu bán hàng	Triệu đồng	170.826
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	154.996
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.376
4	Thu nhập bình quân của 1 người lao động/tháng	Triệu đồng	7.3

1. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Công ty đã thực hiện giá trị tổng doanh thu đạt 73% so với kế hoạch đề ra. Năm 2019 việc cung cấp cột thép mạ kẽm bị giảm nhiều do không được tham đấu thầu, Bên cạnh đó cung cấp cột thép cho Sông Lô 8A, 8B chưa được quyết toán dẫn đến chưa tính được doanh thu.

Công tác mạ kẽm nhúng nóng: Trong năm 2019, công tác mạ kẽm nhúng nóng gặp nhiều khó khăn do một số khách hàng truyền thống dịch chuyển mạ xuống Hưng Yên và chuyển lên khu vực Bắc Ninh. Vì địa điểm gần và giá thành mạ thấp hơn Công ty. Cụ thể như Công ty Tấn Phát, Công ty chiếu sáng, Công ty Phú Thắng... Bên cạnh đó việc cung cấp kẽm mạ và vật tư phụ chưa kịp thời cho sản xuất cũng ảnh hưởng nhiều đến doanh thu mạ kẽm. Công nhân mạ nghỉ nhiều do tính chất đặc thù công việc dẫn đến mạ chỉ duy trì được từ 1 đến 2 ca, các ca cũng đều thiếu công nhân trong dây chuyền sản xuất.

Công tác cơ khí thủy công: Công ty tập trung sản xuất kết cấu thép Sông Lô 8A, 8B nhưng do cung cấp vật tư chưa đồng bộ và còn chậm do tài chính gặp nhiều khó khăn, dẫn đến có việc nhưng chưa có vật tư để sản xuất.

2. Các công tác khác

Công tác tổ chức: Công ty gặp nhiều khó khăn do không tuyển được lao động trực tiếp trong khi đó lao động trực tiếp chuyển đi nhiều dẫn đến thiếu lao động. Nguyên nhân chủ yếu do chi trả lương chậm so với kế hoạch của Công ty.

Công tác thu hồi công nợ: Công tác thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn. Cụ thể nhiều công trình chưa thể quyết toán hoặc quyết toán rồi mà chủ đầu tư không chịu thanh toán. Cụ thể Công trình Thành Sơn, Nậm Cùn, Bắc Bến Tre, Khe Bó....

3. Một số giải pháp cần thực hiện để hạn chế các tồn tại

Tập trung tuyển lao động trực tiếp cho Xi nghiệp KCT mạ, đặc biệt là dây truyền mạ kẽm nhúng nóng của Công ty.

Tăng cường công tác làm hồ sơ thanh toán phục vụ thanh quyết toán ngay khi giao hàng xong.

Tăng cường công tác thu hồi công nợ, cần thành lập tổ công tác phục vụ thu hồi công nợ.

Giải quyết các vướng mắc tồn tại trước đây, hoàn thiện thủ tục thanh toán: Công trình Bắc Bến Tre, Đa Dâng Đa Cho Mô...

Hoàn thiện thủ tục mua máy CNC phục vụ sản xuất cột thép.

PHẦN 2. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Tổng doanh thu: 221.366 triệu đồng

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá	Năm 2020	
				Khối lượng	Thành tiền (Triệu đồng)
1	Cột thép, xà thép mạ kẽm	Tấn	21.000	3.000	63.000
2	KCT thủy công, nhiệt điện	Tấn	26.000	2.350	61.100
3	Mạ kẽm dịch vụ	Tấn	5.500	5.500	30.250
4	Bu lông móng	Tấn	23.000	233	5.367
5	Cơ khí khác	Tấn	26.000	310	8.060
6	Sửa chữa, xây lắp công trình điện				3.589
7	Kinh doanh vật tư, thiết bị				50.000

2. Các giải pháp thực hiện

2.1 Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm 2020, Công ty phân đầu thực hiện hoàn thành cung cấp KCT thủy công công trình thủy điện Sông Lô 8B, công trình thủy lợi Nà Sản...

Triển khai chế tạo và cung cấp cột thép mạ kẽm ĐZ 220kV Bắc Nam, công trình cột thép Yên Định – Thiệu Hóa Thanh Hóa, công trình cột thép Nậm Xi Luông, Tân Mỹ....

Thanh quyết toán giai đoạn, kịp thời thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tăng cường tìm kiếm việc làm về chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng.

2.2 Công tác Tài Chính

Tập trung thu hồi công nợ khó đòi như Thủy điện Thành Sơn, Nậm Cùn, Đa Dâng – Đa Cho Mô...

Hoàn thiện kịp thời thủ tục hồ sơ pháp lý, hồ sơ chế tạo, thanh toán đối với các hạng mục trong tháng để thu hồi vốn phục vụ thanh toán theo tiến độ của công trình.

Thanh toán lương kịp thời cho người lao động, đáp ứng vật tư chính, phụ phục vụ sản xuất, thanh toán các khoản phải trả trong từng giai đoạn, đáp ứng kịp thời nguồn tài chính phục vụ sản xuất.

2.3 Công tác vật tư

Đối với các công trình ký mới, tính toán lập kế hoạch mua sắm vật tư trong nước hoặc nhập khẩu để bảo đảm kịp thời cho sản xuất. Không để tình trạng công nhân chờ việc do thiếu vật tư.

Giảm thời gian tồn trữ, tránh tình trạng vật tư mua về không đảm bảo chất lượng gây khó khăn trong sản xuất.

Tính toán vật tư mua vào, giảm tỷ lệ hao hụt.

2.4 Công tác tổ chức

Năm 2020 Công ty đang thiếu nhiều lao động trực tiếp, cần tuyển dụng kịp thời phục vụ sản xuất.

Điều chuyển lao động cho phù hợp với định biên lao động trong Công ty. Giảm lao động gián tiếp dư thừa tại các đơn vị.

Cơ cấu lại nhân sự tại các đơn vị

2.5 Công tác mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị

Nghiên cứu, đầu tư thêm 01 máy CNC chế tạo cột thép.

Tăng cường công tác kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch năm đã được phê duyệt.

Giảm thời gian sửa chữa, đảm bảo sản xuất có hiệu quả.

Thanh lý một số máy và thiết bị lạc hậu trước đây lâu ngày không dùng đến

2.6 Các công tác khác

Kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý, năng lực lãnh đạo. Điều hành cho cán bộ quản lý trong toàn Công ty.

Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng truyền thống để bảo đảm việc làm cho người lao động

Tăng cường công tác đấu thầu, tham gia các gói thầu cung cấp cột thép mạ kẽm, kết cấu thép thủy công, các công trình xây lắp điện, công trình công nghiệp. Đảm bảo dây truyền sản xuất thường xuyên, liên tục.

Giao kế hoạch, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đánh giá, tìm nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức tín dụng huy động nguồn vốn phục vụ sản xuất.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, phương án sản xuất kinh doanh năm 2020 và các giải pháp thực hiện của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực trình đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của toàn thể cổ đông có mặt dự đại hội, nhằm góp phần thực hiện phương án SX – KD có hiệu quả và đạt được các chỉ tiêu đề ra.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
H. GIA LÂM - T. PH. NỘI



Nguyễn Đức Bách

Nguyễn Đức Bách



Số: 33/BC-BKS

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;
- Điều lệ Công ty CP Cơ khí Điện lực;
- Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát Công ty, Ban Kiểm soát Công ty CP Cơ khí Điện lực thực hiện đánh giá kết quả hoạt động điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua.

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

I. Công tác tổ chức bộ máy, cơ cấu cổ đông trong năm 2019:

1. Đăng ký kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 0101643744, đăng ký lần đầu ngày 30/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/02/2019 (Vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 31.154.090.000 đồng).

2. Nhân sự HĐQT, Ban TGD, BKS:

✦ HĐQT gồm 05 người:

- | | |
|------------------------|--------------------|
| + Ông Lê Minh Hải | - Chủ tịch HĐQT; |
| + Bà Phạm Thu Hằng | - Thành viên HĐQT; |
| + Ông Lê Đăng Thuận | - Thành viên HĐQT; |
| + Ông Nguyễn Đức Bách | - Thành viên HĐQT |
| + Ông Nguyễn Doãn Bình | - Thành viên HĐQT |

Ban TGD gồm 04 người:

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| + Ông Nguyễn Đức Bách | - Tổng Giám Đốc; |
| + Bà Phạm Thu Hằng | - P.Tổng Giám Đốc; |
| + Ông Lê Đăng Thuận | - P.Tổng Giám Đốc; |
| + Ông Nguyễn Anh Minh | - P.Tổng Giám Đốc; |

✦ Ban kiểm soát gồm 03 người:

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| + Ông Vũ Trọng Dũng | - Trưởng Ban – Đến tháng 3/2019; |
| + Ông Hoàng Sơn Thọ | - Trưởng Ban – Từ tháng 4/2019; |
| + Bà Phan Thị Thu Hằng | - Thành Viên |
| + Bà Lê Thị Ngọc Thương | - Thành viên |

Các phòng, ban, xí nghiệp trực thuộc công ty: Tại thời điểm kiểm soát, Công ty có 05 phòng, 02 xí nghiệp như sau:

- 05 phòng: Phòng Sản xuất - Kinh doanh, Phòng Vật tư - Xuất nhập khẩu, Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế toán; Phòng Kỹ thuật chất lượng

- 02 xí nghiệp: Xí nghiệp Kết cấu thép; Xí nghiệp Mạ.

3. Tổng số lao động của PEC tại ngày 31/12/2019 là: 105 người.

4. Cơ cấu vốn điều lệ và cổ đông lớn

4.1. Vốn điều lệ:

Ngày 17/6/2020 - ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán trước khi tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là: **31.154.090.000 đồng.**

4.2. Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Danh sách chốt ngày 17/6/2020	
		Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Minh Hải	1.130.780	36,3%
2	Nguyễn Doãn Bình	623.082	20%
3	Nguyễn Xuân Quang	186.934	6%

5. Công ty liên kết

5.1. Công ty CP Cơ khí và Xây dựng nguồn điện

Địa chỉ trụ sở chính: Đường TS 10, KCN Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Vốn góp: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng)

Tỷ lệ vốn góp so với vốn điều lệ: 36%

5.2. Công ty CP Thương mại và Xây lắp Điện lực

Địa chỉ trụ sở chính: số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Vốn góp: 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)

Tỷ lệ vốn góp so với vốn điều lệ: 14%

5.3. Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương

Vốn góp: 30.899.520.000 (Ba mươi tỷ, tám trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng)

Tỷ lệ góp so với vốn điều lệ: 36%.

II. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị công ty

1. Đánh giá tình hình triển khai một số công việc mà ĐHCĐTN 2019 đã giao cho HĐQT tại Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019

1.1. Chỉ tiêu doanh thu

STT	Nội dung chỉ tiêu, sản phẩm	ĐVT	Giá trị
1	Tổng doanh thu bán hàng	Triệu đồng	170.826
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	154.996
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.376
4	Thu nhập bình quân của 1 người lao động/tháng	Triệu đồng	7.3

Tổng doanh thu thực hiện năm 2019 là: 170.826 triệu đồng đạt 73% kế hoạch.

1.2. Chi tiêu thu nhập bình quân của người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động đạt 7,3 triệu đồng /tháng chưa đạt kế hoạch đề ra.

1.3. Trả cổ tức

- Dự kiến trả cổ tức năm 2019 là 3%.

1.4. Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã chi trả thù lao bằng 70% so với mức đã được ĐHCĐ thông qua, cụ thể: thành viên Hội đồng quản trị là 2,1 triệu đồng/người/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 1,4 triệu đồng/người/ tháng. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 Công ty đã chi trả là 159,6 triệu đồng.

1.5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

HĐQT đã Phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019, theo đó, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là: Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

1.6. Cơ cấu lại tài sản, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD

- Trong năm 2019 nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty rất hạn hẹp, hạn mức tín dụng đối với Công ty bị thu hẹp lại trong khi phần lớn nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đều phải vay ngân hàng. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng trong Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ các công trình đã hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư, kịp thời hoàn thiện hồ sơ thanh toán các hợp đồng để đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động SXKD thường xuyên và thanh toán các khoản tiền lương, thưởng cho người lao động, ...

- Việc cơ cấu lại tài sản: Tháng 8/2019 Hội đồng quản trị đã nghị quyết thông qua phương án cơ cấu Nhà máy Kết cấu thép – mạ Hải Dương. Cụ thể như sau: Về nhân sự: điều động và bố trí công việc hợp lý cho toàn bộ lao động của Nhà máy tại các đơn vị trong Công ty; Về tài sản: chuyển các máy công cụ sản xuất cơ khí và dây chuyền sản xuất tấm sàn về lắp đặt tại các đơn vị trong Công ty; chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, sử dụng vốn thu được phục vụ hoạt động SXKD hiệu quả.

2. Đánh giá việc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo biên bản cuộc họp và nghị quyết của HĐQT trong năm

Kể từ sau ĐHCĐ thường niên năm 2019 đến nay, HĐQT Công ty đã tổ chức 09 phiên họp và qua đó đã ban hành 13 nghị quyết và quyết định, cụ thể:

- 10 nghị quyết và quyết định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, giao nhiệm vụ, cử người đại diện liên quan đến cán bộ quản lý của công ty và các đơn vị thành viên.

- 03 nghị quyết và quyết định liên quan đến quản lý nội bộ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đơn vị thành viên.

Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều tuân thủ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

III. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Tình hình SXKD năm 2019:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

BẢNG 1 - TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	Tổng tài sản tại 31/12	247.912	322.398	(74.486)
2	Nợ phải trả 31/12	183.231	258.784	(75.553)
3	Vốn chủ sở hữu tại 31/12	64.682	63.613	1.069
4	Vốn điều lệ tại 31/12	31.154	31.154	-
5	Tổng doanh thu	170.826	224.152	(53.326)
6	Lợi nhuận trước thuế	1.376	656	720

▪ **Nhận xét, đánh giá:**

- Tổng tài sản tại 31/12/2019 giảm 74.486 triệu đồng so với 31/12/2018.
- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2019 giảm 75.553 triệu đồng so với 31/12/2018.
- Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019 tăng 1.069 triệu đồng so với 31/12/2018.
- Tỷ lệ Nợ/VCSH đã giảm từ 4,07 lần tại 31/12/2018 xuống 2,83 lần tại 31/12/2019, tỷ lệ này giảm do trong năm 2019 Công ty đã giảm được 35,45% các khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn.

1.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính quan trọng

BẢNG 2 – CHỈ TIÊU THANH TOÁN

Tên chỉ tiêu	Công thức tính	Số liệu báo cáo tài chính	
		31/12/2019	01/01/2019
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	$\frac{\text{TS ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,244	1,013
Chỉ số thanh toán nhanh	$\frac{\text{TS ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,509	0,467

❖ **Nhận xét, đánh giá:**

a. Chỉ số thanh toán ngắn hạn:

- Giá trị của chỉ số thanh toán ngắn hạn theo Báo cáo tài chính tại 01/01/2019 đạt $1,013 > 1$ và chỉ số trên đã tăng dần trong năm, tại 31/12/2019 chỉ số trên đạt 1,244 là mức đảm bảo yêu cầu.

b. Chỉ số thanh toán nhanh:

Chỉ số khả năng thanh toán nhanh theo số liệu báo cáo hợp nhất tại 01/01/2019: 0,467 và 31/12/2019: 0,509. Như vậy, chỉ số thanh toán nhanh có độ biến thiên theo chiều hướng tăng.

Khi phân tích các yếu tố của hai chỉ tiêu này có một điểm cần lưu ý như sau:

BẢNG 3 – BẢNG SỐ LIỆU CHI TIẾT

Đơn vị: triệu đồng

T	Tên chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2019	Số dư tại 01/01/2019	Chênh lệch	Độ biến thiên (%)
I	Tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản	85.863	107.677	(21,814)	-20,26%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	194	839	(645)	-76,88%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	82.669	106.838	(24,169)	-22,62%

2.1	Phải thu ngắn hạn KH	63.703	97.673	(33,970)	-34,78%
2.2	Trả trước cho người bán	18.045	18.717	(672)	-3,59%
2.3	Các khoản phải thu khác	405	409	(4)	-0,98%
2.4	Dự phòng phải thu khó đòi	(1.127)	(9.961)	8,834	-88,69%
3	Tài sản ngắn hạn khác	1.643	-	1,643	100,00%
4	Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000	-	3,000	100,00%
II	Hàng tồn kho	124.077	125.815	(1,738)	-1,38%
1	Nguyên liệu, vật liệu	17.138	28.727	(11,589)	-40,34%
2	Công cụ, dụng cụ	2.978	89	2,889	3246,07%
3	Sản phẩm dở dang	73.152	80.211	(7,059)	-8,80%
4	Thành phẩm	30.809	16.787	14,022	83,53%
	Tài sản ngắn hạn	209.940	233.492	(23.552)	-10,09%

Theo bảng số liệu trên ta thấy:

Hàng tồn kho và nợ phải thu khách hàng của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, theo số liệu của Báo cáo tài chính tại 31/12/2019 là: 89,44%.

Nguyên nhân là do:

- Các công trình đang thực hiện dở dang hoặc các công trình đã hoàn thành nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, quyết toán để xuất hóa đơn như: Thủy điện Đa Dâng - Đa Chomo, Sông Lô 8A; 8B...

- Nợ phải thu các công trình thủy công, thủy lợi là rất lớn: trong đó có các khoản công nợ tồn tại từ lâu: Công ty CP Xây dựng và thương mại 299 (5,76 tỷ đồng), Công ty TNHH Hà Thành (9,64 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La (8,85 tỷ đồng)...

1.3. Phân tích một số chỉ tiêu của Kết quả hoạt động năm 2019

BẢNG 4 – PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU QUAN TRỌNG TRONG KẾT QUẢ SXKD 2019

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần BH, CC DV	170.826	224.152	-23,79%
Giá vốn hàng bán	154.996	195.632	-20,77%
Doanh thu tài chính	289	472	-38,77%
Chi phí tài chính	15.868	16.836	-5,75%
Chi phí bán hàng	207	663	-68,78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-71	10.624	-100,67%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX, KD	115	869	-86,77%
Chỉ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX, KD	0.0007	0.0039	
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV			

Đánh giá mối liên hệ giữa các yếu tố chi phí với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số liệu báo cáo hợp nhất (so sánh số liệu của năm 2019 với năm 2018):

- **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

- Doanh thu (DT) thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 giảm 23,79%.
- **Giá vốn hàng bán:**
- Giá vốn hàng bán của năm 2019 giảm 20,77% trong khi DT giảm 23,79%.
- **Chi phí tài chính:**
- Chi phí tài chính của năm 2019 giảm 5,75% trong khi DT giảm 23,79%. Chi phí tài chính vẫn giữ mức tương đương năm 2018 mặc dù các khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018 do Công ty ghi nhận khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn điện 7,2 tỷ đồng.
- **Chi phí bán hàng:**
- Chi phí bán hàng của năm 2019 giảm 68,78% trong khi DT giảm 23,79%
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 giảm 100,67% trong khi DT giảm 23,79% (do năm 2019 Công ty đã hoàn nhập khoản phải thu khó đòi hơn 8,83 tỷ đồng do đó đã làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019).
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:**
- Số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên 100 đồng doanh thu của năm 2019 là 0,07 đồng, trong khi đó số liệu năm 2018 là 0,39 đồng.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ

I. Về công tác điều hành và quản lý tại công ty

Công ty là đơn vị thực hiện sản xuất các sản phẩm kết cấu thép mạ kẽm, Thủy công với sản lượng lớn, các sản phẩm của mỗi công trình khác nhau có đặc thù khác nhau. Tuy nhiên, khi triển khai từ lúc ký kết hợp đồng đến khi triển khai sản xuất, trong công tác điều hành chưa bám vào dự toán công trình dẫn đến việc kiểm soát các chi phí từng công đoạn, hạng mục còn chưa được chặt chẽ dẫn đến công tác quản trị chi phí gặp nhiều khó khăn.

Kiến nghị:

Ban Tổng Giám đốc cần yêu cầu các bộ phận chức năng liên quan đưa ra dự toán các hợp đồng theo từng hạng mục, công đoạn để theo dõi, quản lý các khoản chi phí: chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, chi phí lãi vay ngân hàng... theo dự toán hợp đồng nhằm quản lý chặt chi phí và kịp thời điều chỉnh các yếu tố chi phí khi có thay đổi, biến động so với dự toán khi thực hiện hợp đồng...

II. Công tác quản trị chi phí Quản lý và chi phí lãi vay

- Chi phí quản lý năm 2019 (không tính khoản hoàn nhập dự phòng 2019) là: 8.763 triệu đồng bằng 5,71% so với doanh thu sản xuất (không bao gồm doanh thu mua bán vật tư và doanh thu tài chính);
- Chi phí lãi vay năm 2019 là: 8.537 triệu đồng bằng 5,56% doanh thu sản xuất (không bao gồm doanh thu mua bán vật tư và doanh thu tài chính);

Tổng cộng 2 khoản chi phí trên lớn hơn 11,28% doanh thu sản xuất (không bao gồm doanh thu mua bán vật tư và doanh thu tài chính). Đối với ngành hàng sản xuất cơ khí trong bối cảnh cạnh tranh lớn như hiện nay, cơ cấu chi phí trên là quá lớn.

Kiến nghị:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cần triển khai ngay việc rà soát từng đầu mục chi phí, lập phương án kinh doanh cụ thể theo từng đầu mục chi phí để từ đó thực hiện triệt để phương án kinh doanh đã thông qua, kiểm điểm hàng tháng công tác thực hiện để có những điều chỉnh kịp thời.

Tiếp tục rà soát lại từng đầu mục tài sản công ty để cơ cấu và sử dụng tài sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hơn từ đó giảm chi phí lãi vay.

III. Về công tác đầu tư mua sắm TSCĐ đảm bảo năng lực SXKD

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện thanh lý số lượng lớn TSCĐ (nguyên giá 30.623 triệu vnd) chiếm 41,39% so với tổng nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2018. Ngoài ra, sau khi thanh lý, nguyên giá TSCĐ của Công ty tại ngày 31/12/2019 còn 35.451 triệu vnd trong đó có 32.776 triệu vnd đã hết khấu hao (chiếm 92.45% tổng nguyên giá) hiện vẫn còn sử dụng.

(Trích thuyết minh số 07 – BCTC đã kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Ngành nghề truyền thống và chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của Công ty là chế tạo cột thép mạ kẽm, chế tạo kết cấu thép thủy công. Hiện trạng của TSCĐ như trên, phản ánh năng lực sản xuất kinh doanh ngành nghề chính của Công ty đang ở mức thấp, khó khăn trong việc đảm bảo tiến độ, chất lượng đối với các công trình hiện tại và kế hoạch triển khai các hợp đồng trong tương lai.

Kiến nghị:

Để đảm bảo đạt được phương án sản xuất kinh doanh năm 2020, lãnh đạo Công ty cần cân nhắc các phương án cụ thể:

1. Huy động nguồn lực tài chính để tài trợ cho việc sửa chữa nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị (máy CNC, ...) đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục. Việc trang bị TSCĐ mới, hiện đại vừa đảm bảo cam kết chất lượng sản phẩm của Công ty đối với khách hàng và cũng đảm bảo uy tín và lợi thế so sánh của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh;

2. Trường hợp nguồn lực tài chính của Công ty không đủ cho việc tài trợ mua mới, lãnh đạo Công ty cân đối giữa kế hoạch doanh thu năm 2020, thực tế các hợp đồng đã ký kết và hợp đồng dự kiến ký kết và năng suất các máy móc thiết bị hiện tại để cân nhắc phương án đi thuê máy móc phục vụ SKKD;

3. Bộ phận liên quan của Công ty cần lên phương án dự trù kinh phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị đã cũ để đảm bảo sẵn sàng nguồn lực khi máy móc bị hư hỏng tránh làm gián đoạn hoạt động SXKD.

IV. Về tình hình đầu tư tại Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (VJPS)

Công tác đầu tư tại VJPS vẫn chưa đem lại hiệu quả, vì vậy Hội đồng quản trị cần tiến hành xem xét tình hình đầu tư góp vốn tại VJPS, đề đưa ra các quyết định, nghị quyết về chủ trương nhằm đảm bảo được quyền và lợi ích của PEC tại VJPS.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN 2020
- HĐQT Công ty;
- Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Sơn Thọ

T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 39
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019</i>	<i>14 – 39</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực được thành lập theo quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty sản xuất Thiết bị Điện thành Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101643744 ngày 30 tháng 03 năm 2005 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0101643744 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 31.154.090.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 8171498
Email : ckdl@vnn.vn
Mã số thuế : 0 1 0 1 6 4 3 7 4 4

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Bách	Ủy viên
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Doãn Bình	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Trọng Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Sơn Thọ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Ngọc Thương	Thành viên	
Bà Phan Thị Thu Hằng	Thành viên	

Ban Tổng Giám Đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Bách	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban lãnh đạo đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Thay mặt Ban lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

Số : 2404.01/2020/NVT2-BCTC
Ngày : 15 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **VỀ Báo cáo tài chính năm 2019**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực, được lập ngày 15 tháng 05 năm 2020 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán có dạng “ý kiến kiểm toán ngoại trừ” vì các vấn đề sau:

(1): Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn Điện.

(2): Công ty chưa thực hiện trích khấu hao các TSCĐ hữu hình chờ thanh lý. Tổng chi phí khấu hao trong năm của các TSCĐ này là 5.456.747.880 VND.

Các vấn đề trên đã được khắc phục trên Báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

(1) Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn Điện, với giá trị trích lập dự phòng là 7.200.000.000 VND.

(2) Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Một số máy móc, thiết bị còn lại công ty đã tiến hành các thủ tục tái nhập kho chờ đưa vào sử dụng.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính của chúng tôi đã nêu trên đây.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNTK số: 3980-2017-124-1

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.939.753.957	233.491.801.706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	194.264.595	838.900.577
1. Tiền	111		194.264.595	838.900.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.026.029.962	106.838.094.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	63.702.911.252	97.672.847.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.044.778.310	18.716.734.991
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	404.853.369	409.575.340
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.126.512.969)	(9.961.063.707)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		124.076.504.097	125.814.806.647
1. Hàng tồn kho	141	V.6	124.076.504.097	125.814.806.647
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.642.955.303	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.642.955.303	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.972.674.288	88.906.055.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.520.269.301	6.093.484.301
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	4.520.269.301	6.093.484.301
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.377.688.559	36.610.849.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.377.688.559	23.931.697.825
<i>Nguyên giá</i>	222		35.451.097.348	73.987.224.156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.073.408.789)	(50.055.526.331)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	12.679.151.916
<i>Nguyên giá</i>	228		225.742.000	14.225.742.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(225.742.000)	(1.546.590.084)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	32.059.298.052	46.087.870.235
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.099.520.000	39.349.520.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.250.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.290.221.948)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	6.738.350.235
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.418.376	113.850.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.418.376	113.850.724
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		247.912.428.245	322.397.856.707

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		183.230.653.776	258.784.381.161
I. Nợ ngắn hạn	310		168.745.877.018	230.487.483.461
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	48.357.728.786	44.657.220.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10a	10.205.734.579	30.844.069.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.974.730.676	2.360.223.545
4. Phải trả người lao động	314		881.184.627	1.508.377.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	183.322.878	757.188.395
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.455.107.844	2.403.168.944
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	93.473.288.177	144.747.455.238
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.214.779.451	3.209.779.451
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.484.776.758	28.296.897.700
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	11.783.090.758	12.256.401.945
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	2.201.686.000	8.050.495.755
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	500.000.000	7.990.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.681.774.469	63.613.475.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	64.681.774.469	63.613.475.546
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.036.263.497	8.036.263.497
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.976.229.844	17.976.229.844
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.515.191.128	6.446.892.205
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.446.892.205	6.116.809.402
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.068.298.923	330.082.803
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		247.912.428.245	322.397.856.707

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Ngô Thị Huệ

Ngô Thị Huệ

Lê Minh Hải

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.826.080.024	224.151.726.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.826.080.024	224.151.726.242
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	154.996.426.260	195.632.046.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.829.653.764	28.519.679.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	289.634.212	471.801.772
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.867.901.206	16.835.913.024
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.537.097.198	12.699.600.021
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	207.211.400	663.198.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(70.624.431)	10.623.802.963
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114.799.801	868.566.981
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.680.361.041	94.302.198
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.419.078.362	307.337.424
13. Lợi nhuận khác	40		1.261.282.679	(213.035.226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.376.082.480	655.531.755
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	307.783.557	325.448.952
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.068.298.923</u>	<u>330.082.803</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>343</u>	<u>106</u>

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Ngô Thị Huệ

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Huệ

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Lê Minh Hải

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.376.082.480	655.531.755
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	780.607.548	821.975.121
- Các khoản dự phòng	03	(1.544.328.790)	(1.122.013.045)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	26.968.209
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.916.132.054)	3.572.218.120
- Chi phí lãi vay	06	8.537.097.198	12.699.600.021
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.233.326.382	16.654.280.181
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	42.480.347.682	(6.154.980.383)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.738.302.550	(26.838.231.196)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(19.045.847.402)	18.031.929.747
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.006.447.482	282.221.475
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.110.962.715)	(12.357.030.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(236.482.962)	(983.406.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.070.131.017	(11.365.217.346)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(300.000.000)	(2.402.913.049)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	33.441.915.615	6.220.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.113.776.843)	(304.744.046)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.852.127.078	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.960.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.134.212	267.781.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.049.400.062	12.740.624.785

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	140.912.098.252	233.259.895.548		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(199.676.265.313)	(235.917.407.575)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.764.167.061)	(2.657.512.027)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(644.635.982)	(1.282.104.588)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	838.900.577	2.147.973.374	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	(26.968.209)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	194.264.595	838.900.577	

Người lập biểu

Ngô Thị Huệ

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Huệ

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
 - Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
 - Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
 - Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty liên doanh liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	Số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Xây lắp, lắp đặt và hoàn thiện công trình	14%	14%
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giàng, Tỉnh Hải Dương	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	36%	36%
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	Đường TS10, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Nội Duê, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất các thiết bị đóng mở cửa bằng điện, sạc acquy, chuông điện, còi báo động, dây cáp kim loại cơ bản	36%	36%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo sổ thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 49
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	25.944.400	88.316.800
Tiền gửi ngân hàng	168.320.195	750.583.777
Cộng	<u>194.264.595</u>	<u>838.900.577</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Cộng	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>	-	-

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	38.099.520.000	(7.200.000.000)	30.899.520.000	39.349.520.000	-	39.349.520.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực (1)	-	-	-	1.250.000.000	-	1.250.000.000
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (2)	30.899.520.000	-	30.899.520.000	30.899.520.000	-	30.899.520.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện (3)	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-	7.200.000.000	-	7.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.250.000.000	(90.221.948)	1.159.778.052	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực (1)	1.250.000.000	(90.221.948)	1.159.778.052	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	-	-	6.738.350.235	-	6.738.350.235
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	6.738.350.235	-	6.738.350.235
Cộng	<u>39.349.520.000</u>	<u>(7.290.221.948)</u>	<u>32.059.298.052</u>	<u>46.087.870.235</u>	<u>-</u>	<u>46.087.870.235</u>

(1) Là Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102277988, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 7 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm 2019 Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực đã tăng vốn lên 9.000.000.000 dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực giảm từ 25% xuống còn 14% và được phân loại sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0801147808, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ số vốn góp 30.899.520.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Chế tạo Thiết điện và Thương mại Việt Nhật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 số lỗ lũy kế của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật khoảng 52,8 tỷ tuy nhiên đơn vị không thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết đối với khoản tổn thất này do ngày 23 tháng 12 năm 2019 Công ty Furukawa Electric Power Systems Co.,LTD (Công ty mẹ của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật) đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tân Phát. Theo đó, sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty Furukawa Electric Power Systems Co.,LTD sẽ xóa bỏ toàn bộ khoản phải thu về cho vay của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật. Như vậy tại thời điểm hoàn tất chuyển nhượng Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật sẽ ghi nhận thêm một khoản thu nhập khác khoảng 47,5 tỷ. Đến ngày 30 tháng 3 năm 2020 đã hoàn thành việc chuyển nhượng và Công ty Việt Nhật đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 về việc thay đổi thành viên góp vốn.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300343731, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 1 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ số vốn góp 7.200.000.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	11.792.330.506	13.942.330.408
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	213.680.402	213.680.304
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	11.578.650.104	13.728.650.104
Phải thu các khách hàng khác	51.910.580.746	83.730.517.450
Ban Quản lý dự án 3	2.585.004.180	4.112.004.180
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	5.764.526.750	14.038.823.450
Công ty TNHH Hà Thành	9.639.725.957	7.530.592.353
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	8.856.052.701	550.727.711
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị Minh Quang	1.157.425.244	4.120.155.682
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	1.533.311.832	10.437.529.475
Các khách hàng khác	22.374.534.082	42.940.684.599
Cộng	63.702.911.252	97.672.847.858

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	1.340.518.050	1.340.518.050
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bến Tre	1.151.717.000	1.151.717.000
Công ty TNHH Hà Thành	1.528.034.251	1.528.034.251
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	500.000.000	2.073.215.000
Cộng	4.520.269.301	6.093.484.301

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	16.617.301.990	14.377.147.380
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	16.617.301.990	14.377.147.380
Trả trước cho người bán khác	1.427.476.320	4.339.587.611
Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Thương mại Việt Trung	593.914.217	1.676.030.717
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hoàng Đạt	-	1.264.031.527
Các nhà cung cấp khác	833.562.103	1.399.525.367
Cộng	18.044.778.310	18.716.734.991

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.078.668	-	4.078.668	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	4.078.668	-	4.078.668	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	400.774.701	-	405.496.672	-
Tạm ứng	327.553.603	-	334.718.147	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	73.221.098	-	70.778.525	-
Cộng	404.853.369	-	409.575.340	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.138.378.866	-	28.727.225.255	-
Công cụ, dụng cụ	2.977.768.446	-	89.366.874	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.151.785.210	-	80.211.374.321	-
Thành phẩm	30.808.571.575	-	16.786.840.197	-
Cộng	124.076.504.097	-	125.814.806.647	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	35.207.761.377	32.148.204.361	6.164.353.461	466.904.957	73.987.224.156
Mua trong năm	-	389.727.273	-	-	389.727.273
Thanh lý, nhượng bán	(24.694.066.544)	(5.929.266.867)	-	-	(30.623.333.411)
Giảm khác (công cụ dụng cụ)	-	(8.302.520.670)	-	-	(8.302.520.670)
Số cuối năm	10.513.694.833	18.306.144.097	6.164.353.461	466.904.957	35.451.097.348
<i>Trong đó</i>					
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	9.692.472.579	16.500.166.477	6.116.353.461	466.904.957	32.775.897.474
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.508.088.898	24.975.459.008	6.131.553.461	440.424.964	50.055.526.331
Khấu hao trong năm	71.964.540	400.478.209	9.600.000	26.479.993	508.522.742
Thanh lý, nhượng bán	(8.570.167.776)	(2.525.966.972)	-	-	(11.096.134.748)
Giảm khác (công cụ dụng cụ)	-	(5.394.505.536)	-	-	(5.394.505.536)
Số cuối năm	10.009.885.662	17.455.464.709	6.141.153.461	466.904.957	34.073.408.789
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.699.672.479	7.172.745.353	32.800.000	26.479.993	23.931.697.825
Số cuối năm	503.809.171	850.679.388	23.200.000	-	1.377.688.559

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.000.000.000	225.742.000	14.225.742.000
Thanh lý, nhượng bán	(14.000.000.000)	-	(14.000.000.000)
Số cuối năm	-	225.742.000	225.742.000
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	225.742.000	225.742.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.320.848.084	225.742.000	1.546.590.084
Khấu hao trong năm	272.084.806	-	272.084.806
Thanh lý, nhượng bán	(1.592.932.890)	-	(1.592.932.890)
Số cuối năm	-	225.742.000	225.742.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.679.151.916	-	12.679.151.916
Số cuối năm	-	-	-

9. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty CP Thương mại Sao Mai	8.569.781.368	8.569.781.368	-	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cơ khí Đồng Tâm	6.446.745.260	6.446.745.260	6.005.026.744	6.005.026.744
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	3.481.042.358	3.481.042.358	-	-
Các nhà cung cấp khác	29.860.159.800	29.860.159.800	38.652.193.473	38.652.193.473
Cộng	48.357.728.786	48.357.728.786	44.657.220.217	44.657.220.217

b) Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan</i>	<i>4.463.515.739</i>	<i>4.463.515.739</i>	<i>4.903.869.926</i>	<i>4.903.869.926</i>
Công ty cổ phần thương mại và Xây lắp Điện lực	4.463.515.739	4.463.515.739	4.903.869.926	4.903.869.926
<i>Phải trả người bán dài hạn khác</i>	<i>7.319.575.019</i>	<i>7.319.575.019</i>	<i>7.352.532.019</i>	<i>7.352.532.019</i>
Công ty Cổ phần công nghệ công nghiệp INTEC	7.319.575.019	7.319.575.019	7.352.532.019	7.352.532.019
Cộng	11.783.090.758	11.783.090.758	12.256.401.945	12.256.401.945

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền trước****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	2.940.322.000	-
Công ty CP Thương mại Sao Mai	5.948.628.337	18.733.370.990
Các khách hàng khác	1.316.784.242	12.110.698.703
Cộng	<u>10.205.734.579</u>	<u>30.844.069.693</u>

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.201.686.000	5.301.686.000
Công ty CP Đầu tư XD & TM Hưng Hải	-	2.748.809.755
Cộng	<u>2.201.686.000</u>	<u>8.050.495.755</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.856.083.651	7.668.440.034	(1.240.981.818)	8.283.541.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.663.412	307.783.557	(236.482.962)	308.964.007
Thuế thu nhập cá nhân	172.280.457	(13.762.519)	(140.677.800)	17.840.138
Thuế tài nguyên	542.880	25.617.480	(24.658.080)	1.502.280
Tiền thuê đất	-	541.058.849	(244.410.786)	296.648.063
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.653.145	-	(27.418.824)	66.234.321
Cộng	<u>2.360.223.545</u>	<u>8.532.137.401</u>	<u>(1.917.630.270)</u>	<u>8.974.730.676</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 3%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	183.322.878	757.188.395
Cộng	183.322.878	757.188.395

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>480.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Ông Lê Minh Hải	480.000.000	150.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.975.107.844</i>	<i>2.253.168.944</i>
Kinh phí công đoàn	890.705.421	822.804.932
Bảo hiểm xã hội	878.268.945	152.233.076
Bảo hiểm y tế	625.455.261	331.011.351
Bảo hiểm thất nghiệp	278.589.124	151.620.216
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	302.089.093	795.499.369
Cộng	3.455.107.844	2.403.168.944

14. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	77.826.008.377	77.826.008.377	134.452.455.238	134.452.455.238
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương(1)	51.795.017.164	51.795.017.164	81.174.557.367	81.174.557.367
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	26.030.991.213	26.030.991.213	53.277.897.871	53.277.897.871
Vay ngắn hạn các cá nhân	15.647.279.800	15.647.279.800	10.295.000.000	10.295.000.000
Cộng	93.473.288.177	93.473.288.177	144.747.455.238	144.747.455.238

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 02 tháng 8 năm 2019. Tổng hạn mức tín dụng cho vay là : 54.740.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 16 tháng 4 năm 2018. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 7 năm 2019. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: 01-2012/CKDL/HĐTCTS ngày 20/11/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/NHCT128-CKĐL ký ngày 12 tháng 8 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 04/2013-HĐTC/NHCT128-CKĐL ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 05-2013/HĐTC/128-PEC/HUOI QUANG ngày 13 tháng 11 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2016/HĐTC/128-PEC/THANHSON ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02-2016/HĐTC/128-PEC/SONGLO 4 ngày 01 tháng 02 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03-2016/HĐTC/128-PEC/HUOIVANG ngày 06 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/128-PEC ngày 11 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2009-HĐTC/CD/PEC ngày 15 tháng 12 năm 2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2015/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 17 tháng 4 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 10 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 07 tháng 11 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2018/HĐTCQTS/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 01 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2019/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 02 tháng 4 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02/2019/HĐBĐ/NHCT128-PEC ngày 29 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2015/2019/HĐTC/NHCT128-PEC/SONGLO4 ngày 3 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh tại Hà Nội theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/CVHM/VCBHN-CKĐL ký ngày 15 tháng 6 năm 2018 và phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 14 tháng 6 năm 2019. Hạn mức cho vay 55.000.000.000 VND, thời hạn cho vay theo phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ký ngày 14 tháng 6 năm 2019 từ ngày 14 tháng 6 năm 2019 đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2019. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng kế ước vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	134.452.455.238	120.703.578.452	(177.330.025.313)	77.826.008.377
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	10.295.000.000	20.208.519.800	(14.856.240.000)	15.647.279.800
Cộng	144.747.455.238	140.912.098.252	(192.186.265.313)	93.473.288.177

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn các tổ chức khác	500.000.000	500.000.000	7.990.000.000	7.990.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	7.990.000.000	7.990.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn các tổ chức khác	7.990.000.000	-	(7.490.000.000)	500.000.000
Cộng	7.990.000.000	-	(7.490.000.000)	500.000.000

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.116.809.402	63.283.392.743
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	330.082.803	330.082.803
Số dư cuối năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.446.892.205	63.613.475.546
Số dư đầu năm nay	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.446.892.205	63.613.475.546
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.068.298.923	1.068.298.923
Số dư cuối năm	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	7.515.191.128	64.681.774.469

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.115.409	3.115.409
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.115.409	3.115.409
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.115.409	3.115.409

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	265,23	265,23
Euro (EUR)	202,42	202,42

b, Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	5.140.000.000	-
Cộng	<u>5.140.000.000</u>	<u>-</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	51.991.275.253	106.174.163.724
Doanh thu bán thành phẩm	101.418.289.558	55.797.765.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.416.515.213	62.179.797.465
Cộng	<u>170.826.080.024</u>	<u>224.151.726.242</u>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	361.816	779.620.209
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	-	292.200.909
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	-	60.000.000
Cộng	<u>361.816</u>	<u>1.131.821.118</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.548.784.956	77.979.713.720
Giá vốn của thành phẩm đã bán	83.276.061.413	55.071.312.957
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.171.579.891	62.581.020.269
Cộng	<u>154.996.426.260</u>	<u>195.632.046.946</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	169.134.212	267.781.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.500.000	204.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	19.892
Cộng	<u>289.634.212</u>	<u>471.801.772</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.537.097.198	12.699.600.021
Lãi mua hàng trả chậm	40.582.060	269.324.902
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	26.988.101
Lỗ chuyển nhượng công ty con	-	3.840.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư	7.290.221.948	-
Cộng	<u>15.867.901.206</u>	<u>16.835.913.024</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	440.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.156.400	207.000.000
Các chi phí khác	93.055.000	455.758.100
Cộng	<u>207.211.400</u>	<u>663.198.100</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.836.277.602	7.383.025.988
Chi phí vật liệu quản lý	63.901.353	27.648.395
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.574.417	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.047.650	100.032.340
Thuế, phí và lệ phí	569.676.329	573.318.854
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(8.834.550.738)	(1.122.013.045)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	779.848.915	1.733.248.501
Các chi phí khác	1.368.600.041	1.928.541.930
Cộng	<u>(70.624.431)</u>	<u>10.623.802.963</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.626.497.842	-
Thu nhập khác	53.863.199	94.302.198
Cộng	<u>6.680.361.041</u>	<u>94.302.198</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	273.535.305	164.281.574
Xóa nợ khó đòi	5.140.000.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	5.400.000	-
Chi phí khác	143.057	143.055.850
Cộng	<u>5.419.078.362</u>	<u>307.337.424</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.376.082.480	655.531.755
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	162.835.305	96.841.626
- Các khoản điều chỉnh giảm	283.335.305	300.841.626
<i>Phạt thuế, truy thu thuế</i>	<i>273.535.305</i>	-
<i>Chi phí ứng hộ</i>	<i>9.800.000</i>	-
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	<i>300.841.626</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(120.500.000)	(204.000.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(120.500.000)</i>	<i>(204.000.000)</i>
Thu nhập tính thuế	1.538.917.785	752.373.381
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	<i>174.974.276</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>307.783.557</u>	<u>325.448.952</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.068.298.923	330.082.803
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.068.298.923	330.082.803
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.115.409	3.115.409
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>343</u>	<u>106</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.115.409	3.115.409
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.115.409</u>	<u>3.115.409</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi sản xuất theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.954.925.111	123.958.737.771
Chi phí nhân công	11.875.625.441	18.031.489.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	780.607.548	821.957.120
Thuế, phí và lệ phí	569.676.329	573.318.854
Chi phí trích lập dự phòng	(8.834.550.738)	(1.122.013.045)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.537.020.328	23.905.872.632
Chi phí khác	1.526.479.552	6.965.866.005
Cộng	<u>109.409.783.571</u>	<u>173.135.228.664</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ công nợ bán tài sản với công nợ phải trả	1.259.332.800	-
Bù trừ cổ tức lợi nhuận được chia với công nợ phải trả	120.500.000	-
Chuyển công nợ sang vay	330.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Doãn Bình		
Tạm ứng	83.900.000	42.772.251
Hoàn tạm ứng	83.900.000	49.798.245
Ông Lê Minh Hải		
Phải trả tiền vay	330.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý là chủ chốt và các cá nhân liên quan được thuyết minh ở mục V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.030.828.916	1.321.351.684
Cộng	<u>1.030.828.916</u>	<u>1.321.351.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật

Công ty liên doanh, liên kết; Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật

Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện

Công ty liên doanh, liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực		
Phải thu tiền bán hàng	-	66.000.000
Phải thu cổ tức	120.500.000	204.000.000
Thu tiền bán hàng	-	66.000.000
Phải trả tiền mua hàng, dịch vụ	130.790.000	1.039.148.100
Trả tiền mua hàng	450.644.187	540.681.600
Bù trừ tiền hàng với cổ tức được nhận	120.500.000	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật		
Phải thu về bán hàng	397.998	857.582.230
Thu tiền bán hàng	-	915.637.830
Trả tiền mua hàng	397.998	60.094.100
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện		
Phải thu tiền bán hàng	-	321.420.000
Thu tiền bán hàng	2.150.000.000	9.622.669
Phải trả tiền mua hàng	5.551.500.290	6.026.791.786
Trả tiền mua hàng	7.791.654.900	10.733.499.164

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3a; V.4; V.5; V.9b;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp hàng hóa
- Lĩnh vực bán thành phẩm
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	51.991.275.253	101.418.289.558	17.416.515.213	170.826.080.024
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.991.275.253	101.418.289.558	17.416.515.213	170.826.080.024
Chi phí bộ phận	(52.548.784.956)	(83.276.061.413)	(19.171.579.891)	(154.996.426.260)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(557.509.703)	18.142.228.145	(1.755.064.678)	15.829.653.764
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(136.586.969)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				15.693.066.795
Doanh thu hoạt động tài chính				289.634.212
Chi phí tài chính				(15.867.901.206)
Thu nhập khác				6.680.361.041
Chi phí khác				(5.419.078.362)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(307.783.557)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.068.298.923
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	17.000.000	389.727.273	-	406.727.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	177.852.336	658.018.145	60.169.415	896.039.896

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	93.973.288.177	-	-	93.973.288.177
Phải trả người bán	48.357.728.786	11.783.090.758	-	60.140.819.544
Các khoản phải trả khác	4.519.615.349	-	-	4.519.615.349
Cộng	146.850.632.312	11.783.090.758	-	158.633.723.070
Số đầu năm				
Vay và nợ	144.747.455.238	7.990.000.000	-	152.737.455.238
Phải trả người bán	44.657.220.217	12.256.401.945	-	56.913.622.162
Các khoản phải trả khác	4.668.735.317	-	-	4.668.735.317
Cộng	194.073.410.772	20.246.401.945	-	214.319.812.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.264.595	838.900.577	194.264.595	838.900.577
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	6.738.350.235	3.000.000.000	6.738.350.235
Phải thu khách hàng	67.096.667.584	93.805.268.452	67.096.667.584	93.805.268.452
Các khoản phải thu khác	404.853.369	409.575.340	404.853.369	409.575.340
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.059.298.052	39.349.520.000	32.059.298.052	39.349.520.000
Cộng	102.755.083.600	141.141.614.604	102.755.083.600	141.141.614.604
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	93.973.288.177	152.737.455.238	93.973.288.177	152.737.455.238
Phải trả người bán	60.140.819.544	56.913.622.162	60.140.819.544	56.913.622.162
Các khoản phải trả khác	4.519.615.349	4.668.735.317	4.519.615.349	4.668.735.317
Cộng	158.633.723.070	214.319.812.717	158.633.723.070	214.319.812.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP.

Một số chỉ tiêu trên so sánh Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính được phân loại lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	24.252.429.747	(6.220.500.000)	18.031.929.747
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	6.220.500.000	6.220.500.000

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Thị Huệ

Ngô Thị Huệ

Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP phụ gia bê tông Phà Lại	Quá hạn trên 3 năm	150.000.000	150.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.050.000.000	3.050.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biên	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn từ 2-3 năm	507.143.016	355.000.112
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Tú	Quá hạn trên 3 năm	544.468.000	544.468.000	Quá hạn trên 3 năm	1.345.278.000	963.814.600
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC	Quá hạn trên 3 năm	20.009.778	20.009.778	Quá hạn trên 3 năm	408.639.778	408.639.778
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh thép Tân Hưng	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	156.554.908	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và sản xuất Hà An	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	81.000.000	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	-
TP Consulting & Technology	Quá hạn từ 1-2 năm	348.960.568	174.480.283	Quá hạn từ dưới 1 năm	348.960.568	-
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	Đã thu hồi hết nợ quá hạn	1.533.311.832	-	Quá hạn từ 1-2 năm	10.437.529.475	4.573.995.549
Công ty TNHH MTV SX & TM TERRA WOOD Việt Nam	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	272.760.400	272.760.400
Công ty CP cơ khí & XD số 10 Thăng Long	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	181.189.485	181.189.485
Công ty TNHH Nhiên liệu sạch	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	87.557.500	87.557.500
Công ty CP Xây dựng số 9.1	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	45.343.232	45.343.232
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	22.763.052	22.763.051
Cộng		2.834.305.086	1.126.512.969		16.944.719.414	9.961.063.707

